VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay

(Tiếp theo Công báo số 1059 + 1060)

Phụ lục I
CÁC MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên các mẫu
Mẫu số 01	Mẫu thẻ giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay
Mẫu số 02	Mẫu thẻ giám sát viên chất lượng dịch vụ hàng không
Mẫu số 03	Mẫu báo cáo sự cố va chạm chim, động vật hoang dã, vật nuôi với tàu bay và báo cáo bổ sung thông tin về chi phí khai thác và hư hại động cơ do sự cố chim, động vật hoang dã, vật nuôi va chạm với tàu bay
Mẫu số 3.1	Mẫu báo cáo sự cố va chạm chim, động vật hoang dã, vật nuôi với tàu bay
Mẫu số 3.2	Mẫu báo cáo bổ sung thông tin về chi phí khai thác và hư hại động cơ do sự cố chim, động vật hoang dã, vật nuôi va chạm với tàu bay
Mẫu số 04	Mẫu Giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay
Mẫu số 4.1	Mẫu Giấy phép không áp dụng mã QR
Mẫu số 4.2.	Mẫu Giấy phép áp dụng mã QR

STT	Tên các mẫu
Mẫu số 05	Mẫu báo cáo của người khai thác cảng hàng không, sân bay và Cảng vụ hàng không
Mẫu số 5.1	Mẫu báo cáo của người khai thác cảng hàng không, sân bay
Mẫu số 5.1.1	Mẫu báo cáo giới hạn năng lực khai thác nhà ga, sân đỗ
Mẫu số 5.1.2	Mẫu báo cáo sử dụng slot chuyến bay nội địa và chuyến bay quốc tế
Mẫu số 5.1.3	Mẫu báo cáo kế hoạch trung hạn 5 năm về tăng, giảm giới hạn khai thác nhà ga, sân đỗ
Mẫu số 5.1.4	Mẫu báo cáo số lượng tàu bay đỗ qua đêm được xác nhận cho hãng hàng không
Mẫu số 5.1.5	Mẫu báo cáo sử dụng slot theo số hiệu chuyến bay
Mẫu số 5.2	Mẫu báo cáo của Cảng vụ hàng không
Mẫu số 5.2.1	Mẫu báo cáo giám sát sử dụng slot chuyến bay nội địa
Mẫu số 5.2.2	Mẫu báo cáo giám sát sử dụng slot chuyến bay quốc tế
Mẫu số 06	Mẫu báo cáo của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay
Mẫu số 6.1	Mẫu báo cáo giới hạn năng lực khai thác đường cất hạ cánh và dịch vụ điều hành bay
Mẫu số 6.2	Mẫu báo cáo kế hoạch trung hạn về tăng, giảm giới hạn khai thác đường cất hạ cánh và dịch vụ điều hành bay

Mẫu số 01

Mẫu thẻ giám sát viên an toàn khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Mặt trước

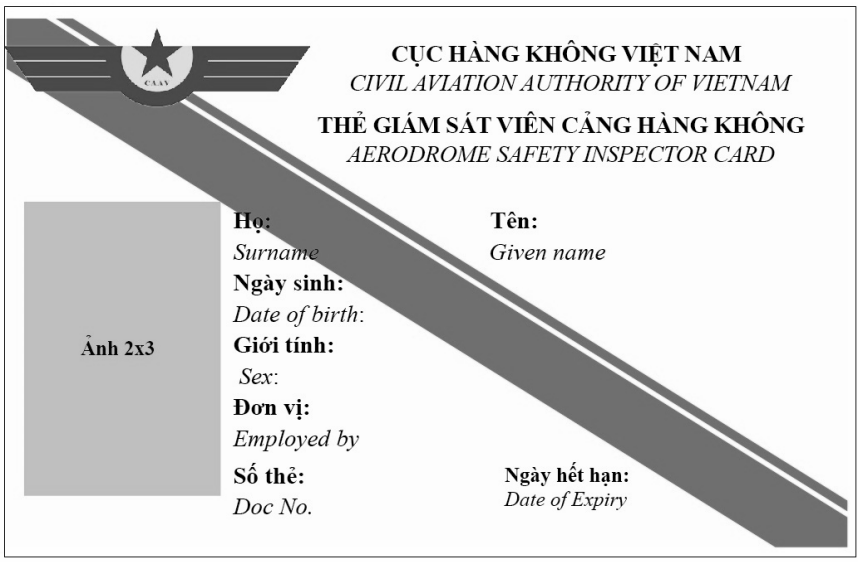

2. Mặt sau

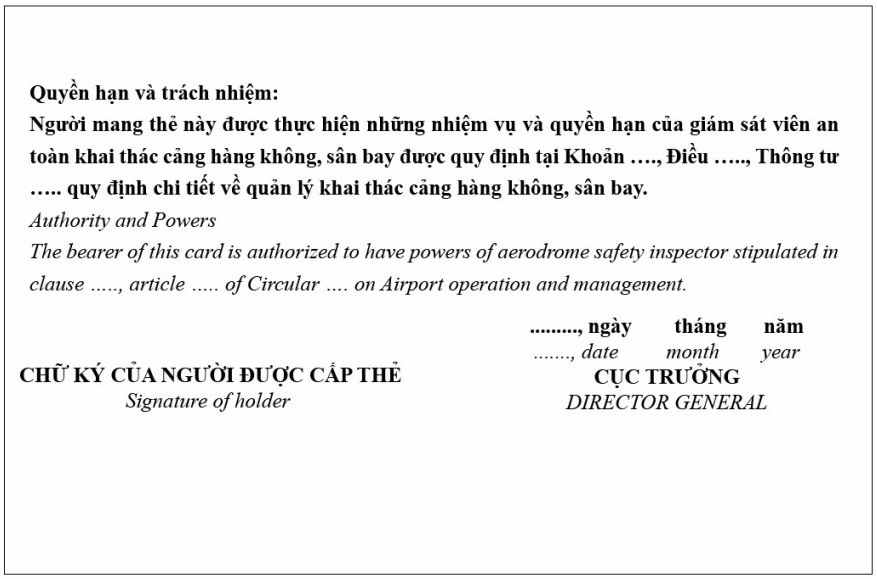

Mẫu số 02

Mẫu thẻ giám sát viên chất lượng dịch vụ hàng không

1. Mặt trước

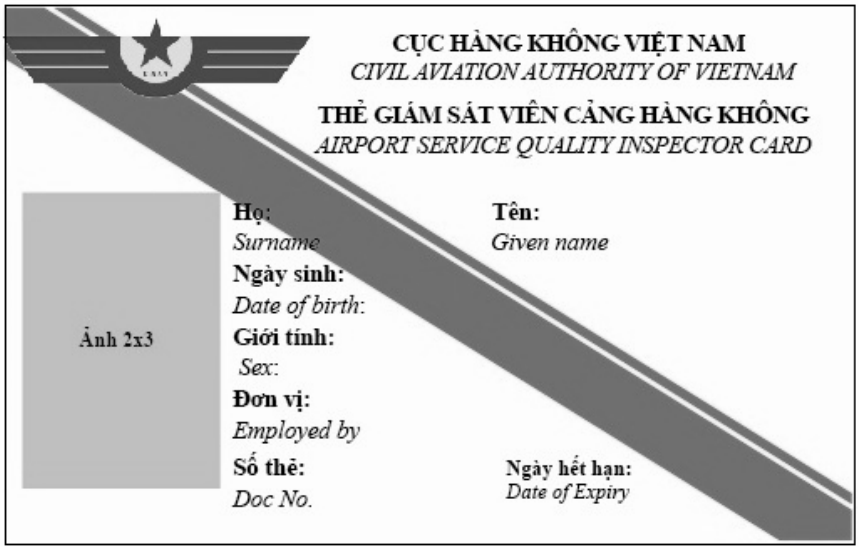

2. Mặt sau

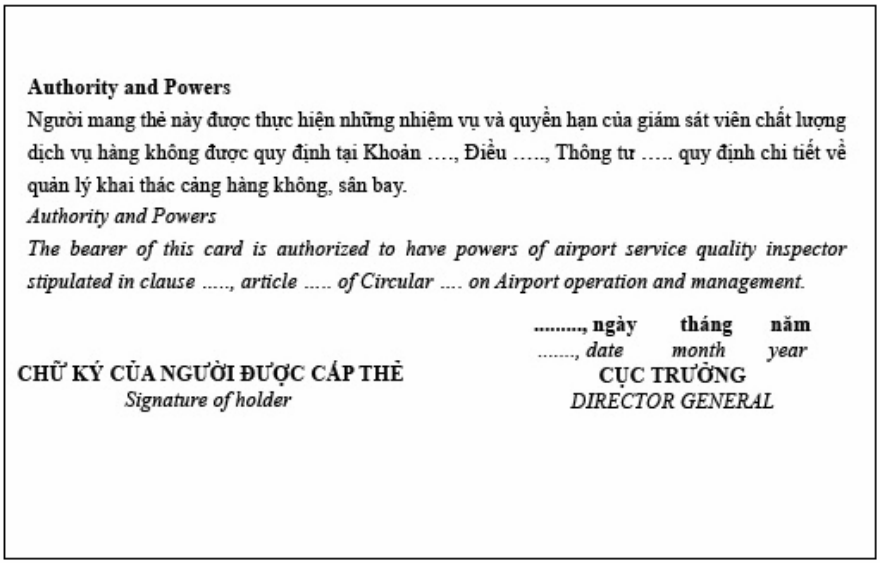

Mẫu số 03. Mẫu báo cáo sự cố va chạm chim, động vật hoang dã, vật nuôi với tàu bay và báo cáo bổ sung thông tin về chi phí khai thác và hư hại động cơ do sự cố chim, động vật hoang dã, vật nuôi va chạm với tàu bay

Mẫu số 3.1. Mẫu báo cáo sự cố va chạm chim, động vật hoang dã, vật nuôi với tàu bay

Send to:

Gửi tới:

Operator..... 01/02

Người khai thác tàu bay .....

Aircraft Make/Model 03/04

Nhà sản xuất tàu bay/Mẫu mã

Engine Make/Model..... 05/06

Nhà sản xuất động cơ/Mẫu mã

Aircraft Registration..... 07

Số đăng ký tàu bay .....

Flight number .....

Số hiệu chuyến bay.....

Date day ….. month …. year 08

Ngày…... tháng ……. năm

Route to .....

Điểm đến.....

Local time 09

Giờ địa phương .....

dawn ☐ A day ☐ B dusk ☐ C night ☐D.....10

bình minh ☐ A ban ngày ☐ B chạng vạng ☐ C đêm ☐ D

Aerodrome Name 11/12

Tên sân bay.....

Effect on Flight:

Ảnh hưởng tới chuyến bay

None ☐ 32

Không

Aborted take - off ☐ 33

Hủy cất cánh

Precautionary landing ☐ 34

Hạ cánh phòng bất trắc

Engines shut down ☐ 35

Động cơ bị tắt

Other (specify) ☐ 36

Khác (nêu rõ)

Sky Condition 37

Điều kiện bầu trời

No cloud ☐ A

Không mây

Some cloud ☐ B

Có mây

Overcast ☐ C

U ám

Precipitation

Lượng giáng thủy

Runway used 13
Đường CHC sử dụng.....

Location if Enroute..... 14
Vị trí trên đường bay .....

Height AGL..... 15
Độ cao (AGL) .....

Speed IAS..... 16
Tốc độ (IAS).....

Phase of Flight 17
Giai đoạn của chuyến bay....

Parked □ A En route □ E
đỗ *trên đường bay*

Taxi □ B Descent □ F
lăn *hạ độ cao*

Take-off run □ C Approach □ G
chạy đà cất cánh *tiếp cận*

Climb □ D Landing roll □ H
lấy độ cao *xả đà hạ cánh*

Part(s) of Aircraft
Phần (các phần) của tàu bay

	Struck *Va chạm*		Damaged *Hư hại*	
Radome *Chóp ra đa*	☐	18	☐	
Windshield *Kính chắn gió*	☐	19	☐	
Nose (excluding above) *Mũi (ngoại trừ phần trên)*	☐	20	☐	
Engine no.1 *Động cơ số*	☐	21	☐	

Fog □38
Sương mù

Rain □ 39
Mưa

Snow □ 40
Tuyết

Bird Species* 41
Loài chim.....

Number of Birds.....
Số lượng chim .....

	Seen 42 *Nhìn thấy*	*Struck 43* *Va chạm*
1	□ A	□ A
2-10	□ B	□ B
11-100	□ C	□ C
More *Nhiều hơn*	□ D	□ D

Size of Bird 44
Kích thước của chim

Small □ S
Nhỏ

Medium □ M
Trung bình

Large □ L
To

Pilot Warned of Birds 45
Tổ lái có được cảnh báo về chim

Yes □ y No □ x
Có *Không*

2	☐	22	☐	Remarks (describe damage, injuries and other pertinent information) 46/47
3	☐	23	☐	*Bình luận (mô tả mức độ hư hại, mức độ tổn thương và các thông tin thích hợp)*
4	☐	24	☐	.....
Propeller *Cánh quạt*	☐	25	☐	.....
Wing/rotor	☐	26	☐	.....
Cánh tàu bay/cánh quay trực thăng				.....
Fuselage *Thân*	☐	27	☐	.....
Landing gear *Càng*	☐	28	☐	.....
Tail *Đuôi*	☐	29	☐	.....
Lights *Đèn*	☐	30	☐	.....
Other (specify) *Khác (nêu rõ)*	☐	31	☐	

Reported by .....

Báo cáo bởi .....

(Name, Signature)

(Tên, Chữ ký)

* Send the pictures of the birdstrike

** Gửi ảnh của sự cố chim va chạm vào tàu bay*

Mẫu số 3.2. Mẫu báo cáo bổ sung thông tin về chi phí khai thác và hư hại động cơ do sự cố chim, động vật hoang dã, vật nuôi va chạm với tàu bay

A. BASIC DATA

A. THÔNG TIN CƠ BẢN

Operator 01/02

Người khai thác .....

Aircraft Make/Model 03/04

Nhà sản xuất tàu bay/Mẫu mã .....

Engine Make/Model: 05/06

Nhà sản xuất động cơ/Mẫu mã .....

Aircraft Registration: 07

Số đăng ký tàu bay .....

Date of strike: day ..... month ..... year 08

Ngày xảy ra sự cố va chạm: ngày ..... tháng..... năm .....

Aerodrome/Location if known 11/12/14

Sân bay/Vị trí nếu biết .....

B. COST INFORMATION:

B. THÔNG TIN CHI PHÍ:

Aircraft time out of service: ..... hours 52

Thời gian tàu bay không phục vụ bay .....*giờ*

Estimated cost of repairs or replacement U.S. $..... 53

Chi phí ước tính cho việc sửa chữa hoặc thay thế:

Estimated other costs U.S. $..... 54

Chi phí ước tính khác:

C. CÁC THÔNG TIN ĐẶC BIỆT VỀ HƯ HẠI ĐỘNG CƠ DO SỰ CỐ VA CHẠM

Engine position number *Vị trí của động cơ*	1	2	3	4
Reason for failure/ shutdown *Lý do hỏng/tắt máy*	55	56	57	58

Uncontained failure *Bị văng ra không kiểm soát*	☐ A	☐ A	☐ A	☐ A
Fire *Cháy*	☐ B	☐ B	☐ B	☐ B
Shutdown - Vibration *Tắt - Rung*	☐ C	☐ C	☐ C	☐ C
Shutdown - Temperature *Tắt - Nhiệt độ*	☐ D	☐ D	☐ D	☐ D
Shutdown - Fire warning *Tắt - Cảnh báo cháy*	☐ E	☐ E	☐ E	☐ E
Shutdown - Other (specify) *Tắt - Khác (nêu rõ)* ……..	☐ Y	☐ Y	☐ Y	☐ Y
Shutdown - unknown *Tắt - không biết*	☐ Z	☐ Z	☐ Z	☐ Z
Estimated percentage of thrust loss* *Phần trăm ước tính giảm lực đẩy*	___59	___60	___61	___62
Estimated number of birds ingested *Số lượng chim ước tính bị cuốn vào động cơ*	___63	___64	___65	___66

Bird species 41
Loài chim.....

* These may be difficult to determine but even estimates are useful.

** Việc nhận diện được các loài chim có thể khó nhưng cần thiết ngay cả khi chỉ là số ước lượng.*

Send the pictures of the birdstrike
Gửi ảnh của sự cố chim va chạm vào tàu bay

Reported by .....
Được báo cáo bởi.....
(Name, Signature)
(Tên, Chữ ký)

Mẫu số 04. Mẫu giấy phép nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

Mẫu số 4.1. Mẫu Giấy phép không áp dụng mã QR

1. Mặt trước

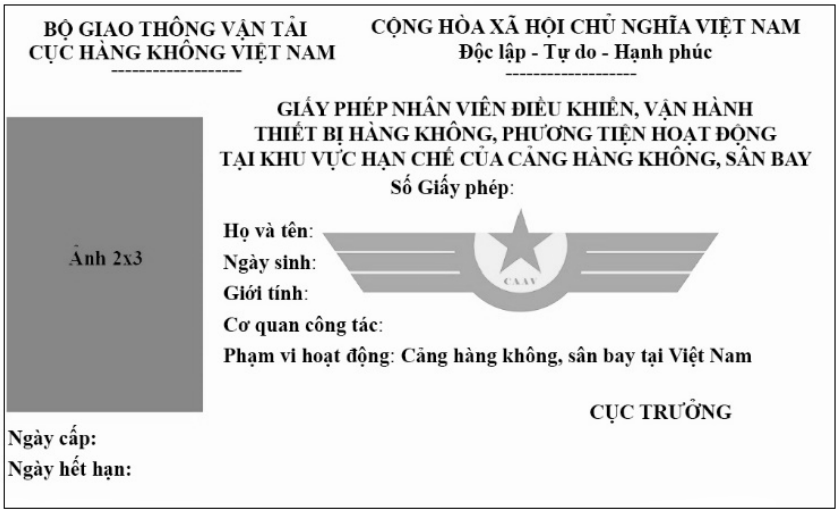
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN ĐIỀU KHIỂN, VẬN HÀNH THIẾT BỊ HÀNG KHÔNG, PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG TẠI KHU VỰC HẠN CHẾ CỦA CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Số Giấy phép:

Ảnh 2x3

Họ và tên:
Ngày sinh:
Giới tính:
Cơ quan công tác:
Phạm vi hoạt động: Cảng hàng không, sân bay tại Việt Nam

CỤC TRƯỞNG

Ngày cấp:
Ngày hết hạn:

2. Mặt sau

Năng định được phê chuẩn:

Ngày cấp	Năng định

1. Người được cấp giấy phép phải mang theo giấy phép trong khi thực hiện nhiệm vụ.
2. Người được cấp giấy phép phải thực hiện đúng năng định đã được phê chuẩn trong giấy phép.
3. Giấy phép bị thu hồi trong trường hợp người được cấp giấy phép vi phạm quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải và Cục Hàng không Việt Nam.

Mẫu số 4.2. Mẫu Giấy phép áp dụng mã QR

1. Mặt trước

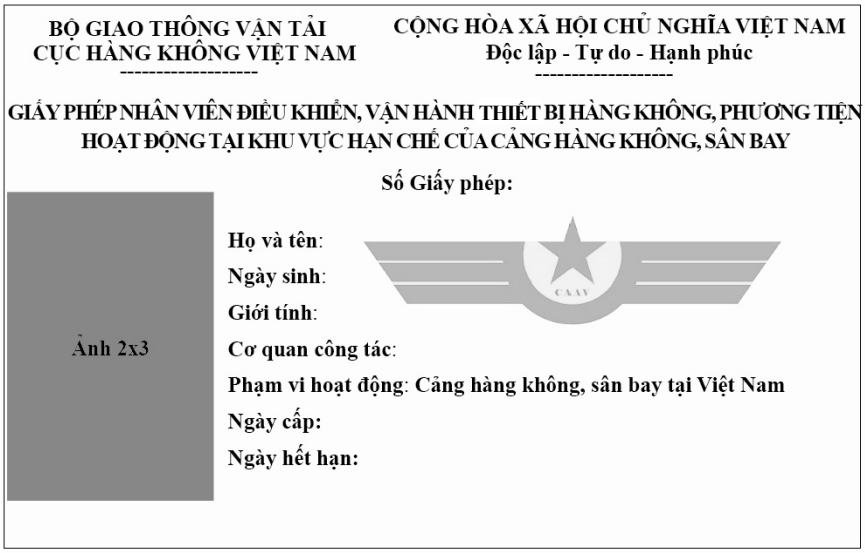

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP NHÂN VIÊN ĐIỀU KHIỂN, VẬN HÀNH THIẾT BỊ HÀNG KHÔNG, PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG TẠI KHU VỰC HẠN CHẾ CỦA CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Số Giấy phép:

Ảnh 2x3

Họ và tên:
Ngày sinh:
Giới tính:
Cơ quan công tác:
Phạm vi hoạt động: Cảng hàng không, sân bay tại Việt Nam
Ngày cấp:
Ngày hết hạn:

2. Mặt sau

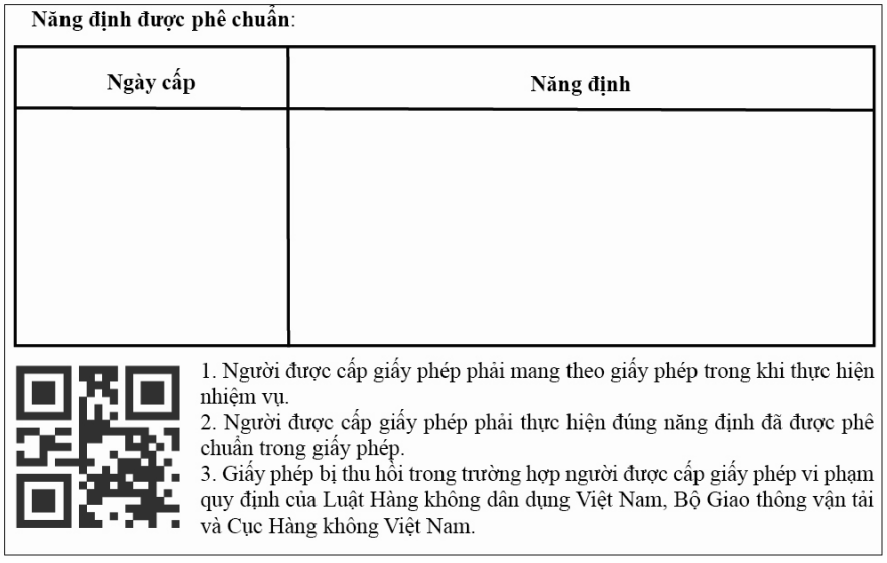

Năng định được phê chuẩn:

Ngày cấp	Năng định

1. Người được cấp giấy phép phải mang theo giấy phép trong khi thực hiện nhiệm vụ.
2. Người được cấp giấy phép phải thực hiện đúng năng định đã được phê chuẩn trong giấy phép.
3. Giấy phép bị thu hồi trong trường hợp người được cấp giấy phép vi phạm quy định của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải và Cục Hàng không Việt Nam.

Mẫu số 05. Mẫu báo cáo của người khai thác cảng hàng không, sân bay và Cảng vụ hàng không

Mẫu số 5.1. Mẫu báo cáo của người khai thác cảng hàng không, sân bay

Mẫu số 5.1.1. Mẫu báo cáo giới hạn năng lực khai thác nhà ga, sân đỗ

1. Đơn vị báo cáo:
2. Cơ quan nhận báo cáo:
3. Ngày báo cáo:
4. Kỳ báo cáo:
5. Cảng hàng không:

Giới hạn năng lực khai thác cảng hàng không... Mùa lịch bay…		
1. Nhà ga đi:		
Chỉ tiêu	Quốc tế	Nội địa
Chuyến bay/giờ		
2. Nhà ga đến:		
Chỉ tiêu	Quốc tế	Nội địa
Chuyến bay/giờ		
3. Số lượng vị trí đỗ tàu bay:		
Loại tàu bay	Số lượng	
Tàu bay code F (B747-800 hoặc tương đương)		
Tàu bay code E (B777, B747-400 hoặc tương đương)		
Tàu bay code C (A320, A321, AT7 hoặc tương đương)		
Ghi chú:		

Người lập báo cáo
(Ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN MẪU 5.1.1

a) Tên báo cáo: mẫu báo cáo giới hạn năng lực khai thác nhà ga, sân đỗ.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo:

- Người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo số liệu theo các chỉ tiêu về chuyến bay/giờ và số vị trí đỗ tàu bay tại các cảng hàng không theo biểu mẫu nêu trên.

- Ngày báo cáo: thời thời điểm người khai thác cảng hàng không, sân bay hoàn thành và gửi bảo cáo về Cục Hàng không Việt Nam. Ngày báo cáo phải là ngày trước thời hạn gửi báo cáo.

- Kỳ báo cáo: số liệu theo lịch bay mùa hè và lịch bay mùa đông.

- Cảng hàng không: là tên cảng hàng không được báo cáo số liệu theo biểu mẫu.

- Định dạng báo cáo: báo cáo được lập dưới định dạng excel hoặc word.

c) Đơn vị báo cáo: người khai thác cảng hàng không, sân bay.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng không Việt Nam.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi báo cáo bằng văn bản về Cục Hàng không Việt Nam qua địa chỉ hộp thư điện tử vthk@caa.gov.vn.

e) Thời hạn gửi báo cáo:

- Trước ngày 15 tháng 4 hàng năm báo cáo đối với số liệu của lịch bay mùa đông kế tiếp.

- Trước ngày 15 tháng 9 hàng năm báo cáo đối với số liệu của lịch bay mùa hè kế tiếp.

g) Tần suất thực hiện báo cáo: 02 lần/năm.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo:

- Trước ngày 15 tháng 4 đối với số liệu của lịch bay mùa đông kế tiếp

- Trước ngày 15 tháng 9 đối số liệu với lịch bay mùa hè kế tiếp.

i) Mẫu đề cương báo cáo: không áp dụng.

k) Biểu mẫu số liệu báo cáo: báo cáo theo Mẫu số 5.1.1.

Mẫu số 5.1.2. Mẫu báo cáo sử dụng slot chuyến bay nội địa và chuyến bay quốc tế

1. Đơn vị báo cáo:
2. Cơ quan nhận báo cáo:
3. Thời hạn gửi báo cáo:
4. Kỳ báo cáo:
5. Cảng hàng không:

STT	Số hiệu chuyến bay	Hãng hàng không	Chặng bay	Chuyến cất/Chuyến hạ	Quốc tế/Nội địa	Ngày khai thác	Giờ slot được cấp	Khung giờ slot được cấp	Giờ đóng chèn/rút chèn	Chênh lệch thời gian	Tình trạng sử dụng slot	Lý do loại trừ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11) = (10)-(8)	(12)	(13)
1	AB123	AB	SGNHAN	DEP	NĐ	01/01/21	10:10	10	10:15	00:05	Đúng slot	
2	AB456	AB	HPHSGN	ARR	NĐ	01/01/21	07:00	7	09:10	02:10	Sai slot	
3	CD123	CD	SGNBKK	DEP	QT	01/01/21	09:45	9	10:50	01:05	Sai slot	
4	CD234	CD	…	ARR	QT							
…	…	…	…	…	…						…	

Người lập báo cáo
(Ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN BIỂU MẪU 5.1.2

a) Tên báo cáo: mẫu báo cáo sử dụng slot chuyến bay nội địa và chuyến bay quốc tế.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo:

- Người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo kết quả tình trạng slot: "Đúng slot", "Sai slot", "Không sử dụng" theo khung giờ ban ngày (từ 07h00 đến 19h00 giờ địa phương) và khung giờ ban đêm (từ 20h00 đến 06h00 giờ địa phương của ngày kế tiếp) của các chuyến bay quốc tế và nội địa (lập thành 02 bảng) gắn với các chỉ tiêu, cụ thể: số hiệu chuyến bay; đường bay; hãng khai thác; thời gian thực hiện và slot cất cánh/giờ hạ cánh và lý do loại trừ của từng chuyến (*nếu có*).

- Giải thích thuật ngữ:

+ Số hiệu chuyến bay (Cột 2): là số hiệu chuyến bay gắn với chặng bay cụ thể. Ví dụ: VN869.

+ Hãng hàng không (Cột 3): là ký hiệu bằng mã IATA của các hãng hàng không. Ví dụ: VN, VJ, KE, JL..

+ Chặng bay (Cột 4): là chặng bay đến/đi tại cảng hàng không theo hành trình được phê duyệt. Mã sân bay được sử dụng theo mã IATA. Ví dụ: HAN-SGN, HAN-ICN, SGN-TPE…

+ ARR/DEP (Cột 5): là ký hiệu viết tắt đối với chuyến hạ cánh/cất cánh tại cảng hàng không được báo cáo.

+ Quốc tế/nội địa (Cột 6): các chuyến bay nội địa được ký hiệu là "NĐ" và chuyến bay quốc tế được ký hiệu là "QT", nhằm mục đích phân biệt các chuyến bay đi/đến các cảng hàng không.

+ Ngày khai thác (Cột 7): là ngày khai thác thực tế theo giờ địa phương (giờ Hà Nội).

+ Giờ slot được cấp (Cột 8): là giờ slot được lấy từ hệ thống phần mềm quản lý slot của Cục Hàng không Việt Nam và được quy đổi sang giờ địa phương.

+ Khung giờ slot được cấp (Cột 9): là thời gian trong khoảng từ phút đầu tiên đến phút cuối cùng trong một khung giờ slot được cấp. Ví dụ slot cấp cho hãng AB là 9:15 thì khung tương ứng là khung 9 giờ.

+ Giờ đóng chèn/rút chèn (Cột 10): là thời điểm đóng chèn (chock-on)/thời điểm rút chèn (chock-off) của tàu bay thực hiện chuyến bay đó.

+ Chênh lệch thời gian (Cột 11): là kết quả so sánh giữa thời gian đóng chèn/rút chèn (cột 10) với slot được cấp (cột 8).

+ Tình trạng sử dụng slot (Cột 12): tình trạng sử dụng slot được xác định gồm 03 tình trạng là "Đúng slot", "Sai Slot" và "Không sử dụng".

❖ "Đúng slot" là thời gian tại Cột 11 nhỏ hơn hoặc bằng 60 phút đối với các chuyến bay đi quốc tế và 30 phút đối với chuyến bay đi nội địa. Đối với slot hạ cánh là slot phải có thời gian khai thác thực tế.

❖ "Sai slot" là thời gian tại Cột 11 lớn hơn 60 phút đối với các chuyến bay đi quốc tế và 30 phút đối với chuyến bay đi nội địa.

❖ "Không sử dụng" là chuyến bay không có thời gian đóng chèn và rút chèn tại Cột 10.

Ví dụ: chuyến nội địa AB123 giờ rút chèn 10:15, giờ slot được cấp 10:10, chênh lệch 00:05, tình trạng "Đúng slot". Chuyến quốc tế CD123, giờ rút chèn 10:50, giờ slot được cấp 09:45, chênh lệch 01:05, tình trạng "Sai slot".

+ Lý do loại trừ (Cột 13): các lý do được nêu tại Thông tư này. Người khai thác cảng hàng không, sân bay phối hợp với hãng hàng không khai thác và cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay xác định rõ các lý do được loại trừ của từng chuyến bay được quy định trong Thông tư. Các slot được loại trừ được coi là slot thực hiện đúng.

- Cảng hàng không: là tên cảng hàng không thực hiện việc báo cáo số liệu theo mẫu.

- Định dạng báo cáo:

+ Báo cáo được lập dưới định dạng excel;

+ Thời gian được định dạng: giờ:phút (hh:ss). Ví dụ chuyến bay AB123 giờ kế hoạch 10:15, giờ thực hiện 10:20.

c) Đơn vị báo cáo: người khai thác cảng hàng không, sân bay.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cảng vụ hàng không.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo sử dụng slot chuyến bay nội địa và chuyến bay quốc tế về Cảng vụ hàng không qua hộp thư điện tử (Email). Các Cảng vụ hàng không thông báo địa chỉ Email để gửi báo cáo.

e) Thời hạn gửi báo cáo: ngày 05 hàng tháng báo cáo số liệu cho 01 tháng trước.

g) Tần suất thực hiện báo cáo: báo cáo số liệu trong giai đoạn 01 tháng từ 00 giờ ngày 01 đến 23 giờ 59 phút ngày cuối cùng của tháng báo cáo trong lịch bay mùa **theo giờ địa phương (giờ Hà Nội).**

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo:

- Dữ liệu đóng chèn/rút chèn (Cột 9) người khai thác cảng hàng không, sân bay chốt và chiết xuất dữ liệu từ hệ thống của Cảng hàng không vào 15:00 ngày 02 hàng tháng cho dữ liệu của tháng trước.

- Dữ liệu slot được cấp tại Cột 8, người khai thác cảng hàng không, sân bay chốt và chiết xuất dữ liệu từ hệ thống slot của Cục Hàng không Việt Nam vào 15:00 ngày 02 hàng tháng cho dữ liệu của tháng trước.

- Lưu ý người khai thác cảng hàng không, sân bay khi thực hiện việc báo cáo:

+ Do thời gian trong hệ thống slot của Cục Hàng không Việt Nam là giờ UTC nên sau khi xuất dữ liệu từ hệ thống phải quy đổi sang giờ địa phương (giờ Hà Nội) bằng cách cộng thêm 07:00 vào giờ slot để làm dữ liệu đưa vào Cột 8.

+ Để đảm bảo đủ dữ liệu cho 30 hoặc 31 ngày tùy từng tháng: lấy thêm số liệu slot từ mốc 17:00 - 23:55 giờ quốc tế của ngày cuối cùng của tháng trước kỳ báo cáo và bỏ dữ liệu slot từ mốc 17:00 - 23:55 của ngày đầu tiên của tháng của kỳ Báo cáo và được chốt sau 15:00 ngày hàng ngày. Ví dụ: kỳ báo cáo tháng 8/2021 khi xuất dữ liệu sẽ lấy thêm dữ liệu slot từ 17:00 đến 24:00 của ngày 31/7/2021 và bỏ đi dữ liệu từ 17:00 đến 24:00 ngày 31/8/2021 (vì khi chuyển giờ quốc tế sang giờ địa phương đã chuyển sang ngày 01/9/2021).

i) Mẫu đề cương báo cáo: không áp dụng.

k) Biểu mẫu số liệu báo cáo: báo cáo theo Mẫu số 5.1.2.

Mẫu số 5.1.3. Mẫu báo cáo kế hoạch trung hạn 5 năm về tăng, giảm giới hạn khai thác nhà ga, sân đỗ

1. Đơn vị báo cáo:

2. Cơ quan nhận báo cáo:

3. Ngày báo cáo:

4. Kỳ báo cáo:

5. Cảng hàng không:

Kế hoạch trung hạn về tăng, giảm giới hạn khai thác nhà ga, sân đỗ										
1. Nhà ga đi:										
Chỉ tiêu	Quốc tế					Nội địa				
Năm kế hoạch	2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025
Chuyến bay/giờ										
2. Nhà ga đến:										
Chỉ tiêu	Quốc tế					Nội địa				
Năm kế hoạch	2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025
Chuyến bay/giờ										

3. Vị trí đỗ tàu bay:					
Loại tàu bay	**Số lượng**				
	2021	**2022**	**2023**	**2024**	**2025**
Tàu bay code F (B747-800 hoặc tương đương)				….	
Tàu bay code E (B777, B747-400 hoặc tương đương)				….	
Tàu bay code C (A320, A321, AT7 hoặc tương đương)				….	`
Ghi chú:					

Người lập báo cáo
(Ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN MẪU SỐ 5.1.3

a) Tên báo cáo: mẫu báo cáo kế hoạch trung hạn 5 năm về tăng, giảm giới hạn khai thác nhà ga, sân đỗ.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo:

- Người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo số liệu theo các chỉ tiêu về chuyến bay/giờ và số vị trí đỗ tàu bay tại các cảng hàng không theo biểu mẫu nêu trên.

- Kỳ báo cáo: báo cáo theo các mốc từ năm 2021 đến năm 2025 và giai đoạn tiếp theo 2026 - 2030 và tương tự cho các giai đoạn kế tiếp.

- Ngày báo cáo: là ngày đơn vị gửi báo cáo và ngày này là thời điểm trước thời hạn báo cáo.

- Cảng hàng không: là tên cảng hàng không được báo cáo số liệu theo biểu mẫu.

- Năm báo cáo được xác định là năm trước năm được lấy mốc để tính giai đoạn 05 năm.

Ví dụ: đối với số liệu giai đoạn 05 năm từ 2021 - 2025 thì năm báo cáo là năm 2020 và người khai thác cảng hàng không, sân bay phải báo cáo về Cục Hàng không Việt Nam trước ngày 15/12/2020 đối với số liệu theo biểu mẫu nêu trên của năm 2021 - 2025.

- Định dạng báo cáo: báo cáo được lập dưới định dạng excel hoặc word.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: người khai thác cảng hàng không, sân bay.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng không Việt Nam.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi báo cáo bằng văn bản về Cục Hàng không Việt Nam qua địa chỉ hòm thư điện tử vthk@caa.gov.vn.

e) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo đối với số liệu của năm kế tiếp cho đến năm thứ 5. Mốc thời gian được xác định tại mục b nêu trên.

g) Tần suất thực hiện báo cáo: 05 năm/lần và có cập nhật hàng năm nếu có thay đổi.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: trước ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo.

i) Mẫu đề cương báo cáo: không áp dụng.

k) Biểu mẫu số liệu báo cáo: báo cáo theo Mẫu số 5.1.3.

Mẫu số 5.1.4. Mẫu báo cáo số lượng tàu bay đỗ qua đêm được xác nhận cho hãng hàng không

1. Đơn vị báo cáo:

2. Cơ quan nhận báo cáo:

3. Ngày báo cáo:

4. Kỳ báo cáo:

5. Cảng hàng không:

Báo cáo số lượng tàu bay đỗ qua đêm									
Hãng HK/Loại tàu bay	B787	A350	A321	A320	AT7	…	…	…	Tổng
Vietnam Airlines	3	3			4	…	…	…	35
Vietjet Air	…	…	10	12	…	…	…	…	25
Jetstar Pacific	…	…	…	10	…	…	…	…	10
Vasco	…	…	…	…	…	…	…	…	…
Bamboo Airways	…	…	…	…	…	…	…	…	…
….	…	…	…	…	…	…	…	…	…
Tổng									

Người lập báo cáo
(Ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN MẪU SỐ 5.1.4

a) Tên báo cáo: mẫu báo cáo số lượng tàu bay đỗ qua đêm được xác nhận cho hãng hàng không.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo:

- Người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo số liệu theo các chỉ tiêu về chuyến bay/giờ và số vị trí đỗ tàu bay tại các cảng hàng không theo biểu mẫu nêu trên.
- Kỳ báo cáo: báo cáo số liệu theo lịch bay mùa hè và lịch bay mùa đông.
- Ngày báo cáo: là ngày đơn vị gửi báo cáo và ngày này là thời điểm trước thời hạn báo cáo.
- Cảng hàng không: là tên cảng hàng không được báo cáo số liệu theo biểu mẫu.
- Thời gian đỗ qua đêm: đỗ quá 03 tiếng trong khoảng thời gian từ 16:00 đến 22:55 giờ UTC.
- Định dạng báo cáo: báo cáo được lập dưới định dạng excel hoặc word.

c) Đơn vị báo cáo: người khai thác cảng hàng không, sân bay.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng không Việt Nam.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi báo cáo bằng văn bản qua địa chỉ hòm thư điện tử vthk@caa.gov.vn của Cục Hàng không Việt Nam.

e) Thời hạn gửi báo cáo:

- Trước ngày 15 tháng 4 hàng năm báo cáo đối với số liệu của lịch bay mùa đông kế tiếp.
- Trước ngày 15 tháng 9 hàng năm báo cáo đối với số liệu của lịch bay mùa hè kế tiếp.

g) Tần suất thực hiện báo cáo: 02 lần/năm.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: trước ngày 15 tháng 4 đối với số liệu của lịch bay mùa đông kế tiếp và ngày 15 tháng 9 đối số liệu với lịch bay mùa hè kế tiếp.

i) Mẫu đề cương báo cáo: không áp dụng.

k) Biểu mẫu số liệu báo cáo: báo cáo theo mẫu số 5.1.4.

Mẫu số 5.1.5. Mẫu báo cáo sử dụng slot theo số hiệu chuyến bay

1. Đơn vị báo cáo:

2. Cơ quan nhận báo cáo:

3. Ngày báo cáo:

4. Kỳ báo cáo:

5. Cảng hàng không:

6. Biểu mẫu báo cáo

6.1. Đối với slot các chuyến bay đi

STT	Số hiệu chuyến bay	Chặng bay	Ngày khai thác (DAY)	Giai đoạn xác nhận chuỗi slot		Giờ slot được xác nhận	Tổng số slot được xác nhận cả chuỗi	Tổng số slot thực hiện	Tổng số slot thực hiện đúng	Tỷ lệ slot thực hiện/Tổng số slot được xác nhận	Tỷ lệ slot thực hiện đúng/ Tổng số slot được xác nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)=(9)/(8)	(12)= (10)/(8)
1	AB123	HANSGN	1	29/MAR/21	01JUN/21	11:30	10	8	5	80%	50%
2	AB123	HANSGN	1	07/JUN/21	11JUL/21	15:35	5	3	3	60%	60%
3	AB123	HANSGN	1	06JUL/21	24OCT/21	08:50	16	15	14	94%	88%
4	AB123	HANSGN	3	01APR/21	27MAY/21	14:40	9	9	8	100%	89%

STT	Số hiệu chuyến bay	Chặng bay	Ngày khai thác (DAY)	Giai đoạn xác nhận chuỗi slot		Giờ slot được xác nhận	Tổng số slot được xác nhận cả chuỗi	Tổng số slot thực hiện	Tổng số slot thực hiện đúng	Tỷ lệ slot thực hiện/Tổng số slot được xác nhận	Tỷ lệ slot thực hiện đúng/ Tổng số slot được xác nhận
5	AB123	HANSGN	3	03JUN/21	24OCT/21	12:20	21	20	18	95%	86%
6	AB123	HANSGN	4	29MAR/21	24OCT/21	03:20	30	27	25	90%	83%
…											

6.2. Đối với slot các chuyến bay đến

STT	Số hiệu chuyến bay	Chặng bay	Ngày khai thác (DAY)	Giai đoạn xác nhận chuỗi slot		Giờ slot được xác nhận	Tổng số slot được xác nhận cả chuỗi	Tổng số slot thực hiện	Tỷ lệ slot thực hiện/ Tổng số slot được xác nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(9)/(8)
1	AB234	SGNHAN	1	29/MAR/21	01JUN/21	10:30	10	8	80%
2	AB234	SGNHAN	1	07/JUN/21	11JUL/21	14:35	5	3	60%
3	AB234	SGNHAN	1	06JUL/21	24OCT/21	07:50	16	15	94%

STT	Số hiệu chuyến bay	Chặng bay	Ngày khai thác (DAY)	Giai đoạn xác nhận chuỗi slot		Giờ slot được xác nhận	Tổng số slot được xác nhận cả chuỗi	Tổng số slot thực hiện	Tỷ lệ slot thực hiện/ Tổng số slot được xác nhận
4	AB234	SGNHAN	3	01APR/21	27MAY/21	13:40	9	9	100%
5	AB234	SGNHAN	3	03JUN/21	24OCT/21	11:20	21	20	95%
6	AB234	SGNHAN	4	29MAR/21	24OCT/21	02:20	30	27	90%
…									

Người lập báo cáo
(Ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN MẪU SỐ 5.1.5

a) Tên báo cáo: mẫu báo cáo sử dụng slot theo số hiệu chuyến bay.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo:

- Người khai thác cảng hàng không, sân bay:

+ Tổng hợp, báo cáo số liệu chuyến bay đi "Đúng slot" hàng tuần, cộng dồn và tổng hợp mùa lịch bay theo các tiêu chí: (i) từng số hiệu chuyến bay quốc tế hoặc chuyến bay nội địa; (ii) theo từng ngày khai thác trong tuần (từ DAY 1 đến DAY 7); (iii) theo từng cảng; (iv) và được chia thành 02 bảng chuyến bay quốc tế và chuyến bay nội địa riêng;

+ Tổng hợp, báo cáo số liệu các chuyến bay đến theo bảng *"6.2. Đối với slot các chuyến bay hạ cánh"*.

- Giải thích thuật ngữ đối với số liệu nêu tại mục ***"6.1. Đối với slot các chuyến bay đi"***

+ **Số hiệu chuyến bay** (Cột 2): là số hiệu chuyến bay gắn với chặng bay cụ thể. Ví dụ: AB234.

+ **Chặng bay** (Cột 3): là chặng bay đến/đi tại cảng hàng không theo hành trình được phê duyệt. Mã sân bay được sử dụng theo mã IATA. Ví dụ: HAN-SGN, HAN-ICN, SGN-TPE…

+ **Ngày khai thác (Cột 4):** tương ứng với các DAY 1 (Thứ Hai), DAY 2 (Thứ Ba), DAY 3 (Thứ Tư), DAY 4 (Thứ Năm), DAY 5 (Thứ Sáu), DAY 6 (Thứ Bảy), DAY 7 (Chủ nhật). Đề nghị chỉ thống kê một ngày khai thác trong một dòng trường hợp chuyến bay hàng ngày (DAY 1234567) thì thống kê thành 7 dòng từ dòng 1 đến dòng 7.

+ **Giai đoạn xác nhận chuỗi slot:** (Cột 5) là ngày bắt đầu chuỗi slot xác nhận được xác nhận và Cột (6) là ngày kết thúc chuỗi slot xác nhận được xác nhận trong lịch bay mùa.

+ **Giờ slot được xác nhận** (Cột 7): là giờ slot được lấy từ hệ thống phần mềm quản lý slot của Cục Hàng không Việt Nam và được quy đổi sang giờ địa phương. Vào ngày cơ sở tính slot lịch sử, lấy dữ liệu 31 tháng 01 đối với lịch bay mùa hè và ngày 31 tháng 8 đối với lịch bay mùa đông, Cục Hàng không Việt Nam cung cấp dữ liệu cho người khai thác cảng hàng không, sân bay.

+ **Tổng số slot được xác nhận cả chuỗi** (Cột 8): là tổng số slot theo từng DAY trong TUẦN với số hiệu chuyến bay và chặng bay cụ thể được thống kê từ hệ thống phần mềm quản lý slot của Cục Hàng không Việt Nam và được quy đổi sang giờ địa phương.

+ **Tổng số slot thực hiện** (Cột 9): là tổng số slot được hãng hàng không sử dụng theo từng DAY trong TUẦN. (người khai thác cảng hàng không, sân bay chốt và chiết xuất dữ liệu thực hiện vào 15:00 ngày thứ Hai hàng tuần và ngày 20/8 với lịch bay mùa hè và vào ngày cuối cùng của lịch bay mùa đông từ hệ thống của cảng hàng không).

+ **Tổng số slot thực hiện đúng** (Cột 10): là tổng số slot thực hiện đúng theo từng số hiệu chuyến bay theo từng DAY trong TUẦN.

+ **Tỷ lệ slot thực hiện/Tổng số slot được xác nhận** (Cột 11): là tỷ lệ % được tính bằng tổng số slot thực hiện theo từng DAY trong TUẦN/Tổng số slot trong giai đoạn được xác nhận theo từng DAY trong TUẦN của mỗi mùa lịch bay.

+ **Tỷ lệ slot thực hiện đúng/Tổng số slot được xác nhận** (Cột 12): là tỷ lệ % được tính bằng tổng số slot thực hiện đúng theo từng DAY trong TUẦN/Tổng số slot trong giai đoạn được xác nhận theo từng DAY trong TUẦN của mỗi mùa lịch bay.

- Giải thích thuật ngữ đối với số liệu nêu tại mục ***"6.2. Đối với slot các chuyến bay đến"***

+ Các nội dung nêu tại các Cột 2 đến Cột 8 tương tự như giải thích thuật ngữ nêu trên.

+ **Tổng số slot thực hiện (Cột 9)**: là tổng số slot được hãng hàng không sử dụng theo từng DAY trong TUẦN. (người khai thác cảng hàng không, sân bay chốt và chiết xuất dữ liệu thực hiện vào 15:00 ngày thứ Hai hàng tuần và ngày 20/8 với lịch bay mùa hè và vào ngày cuối cùng của lịch bay mùa đông từ hệ thống của cảng hàng không).

+ **Tỷ lệ slot thực hiện/Tổng số slot được xác nhận (Cột 10):** là tỷ lệ % được tính bằng tổng số slot thực hiện theo từng DAY trong TUẦN (Cột 9)/Tổng số slot trong giai đoạn được xác nhận theo từng DAY trong TUẦN của mỗi mùa lịch bay (Cột 8).

- Định dạng báo cáo:

+ Báo cáo được lập dưới định dạng excel.

+ Thời gian được định dạng ngày: DD/MM/YY. Ví dụ 29/MAR/21.

- Cảng hàng không: là tên cảng hàng không thực hiện việc báo cáo số liệu theo mẫu.

c) Đơn vị báo cáo: người khai thác cảng hàng không, sân bay.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng không Việt Nam.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo:

Người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi báo cáo bằng văn bản về Cục Hàng không Việt Nam qua địa chỉ hòm thư điện tử vthk@caa.gov.vn.

e) Thời hạn gửi báo cáo:

Thứ Ba hàng tuần đối với số liệu của tuần trước và tổng hợp báo cáo cả mùa trước 10 ngày so với ngày trả slot lịch sử theo lịch điều phối slot của IATA.

g) Tần suất thực hiện báo cáo: hàng tuần và tổng hợp theo mỗi mùa slot (mùa đông/mùa hè).

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo:

-Tổng số slot được xác nhận cả chuỗi: dữ liệu này được Cục Hàng không Việt Nam chốt và chiết xuất từ hệ thống quản lý slot vào ngày 31 tháng 01 đối với lịch bay mùa hè và ngày 31 tháng 8 đối với lịch bay mùa đông; cung cấp cho người khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Tổng số slot thực hiện: là số slot thực hiện từ 00:00 DAY 1 đến 23:59 DAY 7 của tuần báo cáo. Dữ liệu chốt và chiết xuất vào 15:00 thứ Hai hàng tuần và ngày 20 tháng 8 với lịch bay mùa hè và vào ngày cuối cùng của lịch bay mùa đông.

- Tổng số slot thực hiện đúng: là số slot thực hiện từ 00:00 DAY 1 đến 23:59 DAY 7 của tuần báo cáo và tổng hợp theo lịch bay mùa. Dữ liệu chốt và chiết xuất vào 15:00 thứ Hai hàng tuần và ngày cuối cùng là ngày 20 tháng 8 với lịch bay mùa hè và vào ngày cuối cùng của lịch bay mùa đông.

- Người khai thác cảng hàng không, sân bay khi thực hiện việc báo cáo:

+ Do thời gian trong hệ thống slot của Cục Hàng không Việt Nam là giờ UTC nên sau khi xuất dữ liệu từ hệ thống phải quy đổi sang giờ địa phương (giờ Hà Nội) bằng cách cộng thêm 07:00 vào giờ slot để làm dữ liệu đưa vào Cột 8.

+ Để đảm bảo đủ dữ liệu cho 30 hoặc 31 ngày tùy từng tháng: lấy thêm số liệu slot từ mốc 17:00 - 23:55 giờ quốc tế của ngày cuối cùng của tháng trước kỳ báo cáo và bỏ dữ liệu slot từ mốc 17:00 - 23:55 của ngày đầu tiên của tháng của kỳ Báo cáo và được chốt sau 15:00 ngày hàng ngày. Ví dụ: kỳ báo cáo tháng 8/2021 khi xuất dữ liệu sẽ lấy thêm dữ liệu slot từ 17:00 đến 24:00 của ngày 31/7/2021 và bỏ đi dữ liệu từ 17:00 đến 24:00 ngày 31/8/2021 (vì khi chuyển giờ quốc tế sang giờ địa phương đã chuyển sang ngày 01/9/2021).

i) Mẫu đề cương báo cáo: không áp dụng.

k) Biểu mẫu số liệu báo cáo: báo cáo theo Mẫu số 5.1.5.

Mẫu số 5.2. Mẫu báo cáo của Cảng vụ hàng không

Mẫu số 5.2.1. Mẫu báo cáo giám sát sử dụng slot chuyến bay nội địa

1. Đơn vị báo cáo:

2. Cơ quan nhận báo cáo:

3. Ngày báo cáo:

4. Kỳ báo cáo:

5. Cảng hàng không:

5.1. Các chuyến bay đi trong khung giờ ban ngày (từ 07h00 đến 19h00 giờ địa phương)

STT	Hãng hàng không	Tổng slot được xác nhận	Đúng slot	Tỷ lệ đúng slot (%)	Sai slot	Tỷ lệ sai slot (%)	Không sử dụng	Tỷ lệ không dùng (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)	(6)	(7)=(6)/(3)	(8)	(9)=(8)/(3)
1	VN							
2	VJ							
3	QH							
4	BL							
5	0V							
6	VU							
	Tổng							

5.2. Các chuyến bay đi trong khung giờ ban đêm (từ 20h00 đến 06h00 giờ địa phương của ngày kế tiếp)

STT	**Hãng hàng không**	**Tổng slot được xác nhận**	**Đúng slot**	**Tỷ lệ đúng slot (%)**	**Sai slot**	**Tỷ lệ sai slot (%)**	**Không sử dụng**	**Tỷ lệ không dùng (%)**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)	(6)	(7)=(6)/(3)	(8)	(9)=(8)/(3)
1	VN							
2	VJ							
3	QH							
4	BL							
5	0V							
6	VU							
	Tổng							

Người lập báo cáo
(Ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN MẪU SỐ 5.2.1

a) Tên báo cáo: Báo cáo giám sát sử dụng slot chuyến bay nội địa.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo:

- Sau khi nhận được báo cáo sử dụng slot của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Cảng vụ hàng không tổng hợp kết quả hiện thực của các chuyến bay đi nội địa của từng hãng hàng không để xác định số lượng và tỷ lệ % thực hiện slot: "Đúng slot", "sai slot", "không sử dụng" theo khung giờ theo khung giờ ban ngày (từ 07h00 đến 19h00 giờ địa phương) và khung giờ ban đêm (từ 20h00 đến 06h00 giờ địa phương của ngày kế tiếp) sau khi đã kiểm tra lý do loại trừ của các chuyến bay được người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo.

- Cảng hàng không: là tên cảng hàng không được báo cáo số liệu.

- Giải thích thuật ngữ:

+ **Hãng hàng không** (Cột 2): là ký hiệu bằng mã IATA của các hãng hàng không. Ví dụ: VN, VJ...

+ **Tổng slot được xác nhận** (Cột 3): là tổng số slot của hãng hàng không được Cục Hàng không Việt Nam xác nhận. Cảng vụ hàng không lấy dữ liệu slot từ phần mềm quản lý slot của Cục Hàng không Việt Nam.

+ **Đúng slot** (Cột 4): là tổng số slot sử dụng đúng của hãng hàng không.

+ **Tỷ lệ đúng slot** (Cột 5): tỷ lệ sử dụng đúng là thương số của tổng số slot sử dụng đúng (Cột 4)/tổng số slot được xác nhận (Cột 3).

+ **Sai slot** (Cột 6): là tổng số slot sử dụng sai của hãng hàng không.

+ **Tỷ lệ sai slot** (Cột 7): là thương số của tổng số slot sử dụng sai của hãng hàng không (Cột 6)/Tổng số slot được xác nhận của hãng hàng không (Cột 3).

+ **Không sử dụng slot** (Cột 8): là tổng số slot không sử dụng của hãng hàng không.

+ **Tỷ lệ không dùng** (Cột 9): là thương số của tổng số slot không sử dụng của hãng hàng không (Cột 8)/Tổng số slot được xác nhận của hãng hàng không (Cột 3).

- Định dạng báo cáo: Báo cáo được lập dưới định dạng excel.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Cảng vụ hàng không.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng không Việt Nam.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo

Cảng vụ hàng không gửi báo cáo về Cục Hàng không Việt Nam qua hộp thư điện tử vthk@caa.gov.vn.

e) Thời hạn gửi báo cáo:

Ngày 07 hàng tháng báo cáo số liệu cho tháng trước.

g) Tần suất thực hiện báo cáo: Hàng tháng.

Báo cáo số liệu trong giai đoạn 01 tháng từ 00 giờ ngày 01 đến 23 giờ 59 ngày cuối cùng của tháng trong mùa lịch bay. *Ví dụ báo cáo số **liệu tháng 8 từ 00 giờ ngày 01/8/2021 đến 23 giờ 59 phút ngày 31/8/2021** trong lịch bay mùa hè năm 2021. Thời gian được tính theo giờ địa phương **(giờ Hà Nội).***

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo:

- Số liệu thực hiện đúng slot, sai slot, không sử dụng slot của từng hãng hàng không của chuyến bay nội địa của tháng báo cáo được chốt và chiết xuất từ báo cáo sử dụng slot của cảng hàng không vào 15:00 ngày 05 hàng tháng từ báo cáo sử dụng slot tại Mẫu số 5.1.2 cho số liệu của tháng trước liền kề.

- Số liệu slot được xác nhận của chuyến bay nội địa của từng hàng hàng không được chốt và chiết xuất từ phần mềm quản lý slot của Cục Hàng không Việt Nam vào 15:00 ngày 02 hàng tháng cho số liệu của tháng trước liền kề.

- Người khai thác cảng hàng không, sân bay khi thực hiện việc báo cáo:

+ Do thời gian trong hệ thống slot của Cục Hàng không Việt Nam là giờ UTC nên sau khi xuất dữ liệu từ hệ thống phải quy đổi sang giờ địa phương (giờ Hà Nội) bằng cách cộng thêm 07:00 vào giờ slot để làm dữ liệu đưa vào Cột 8.

+ Để đảm bảo đủ dữ liệu cho 30 hoặc 31 ngày tùy từng tháng: lấy thêm số liệu slot từ mốc 17:00 - 23:55 giờ quốc tế của ngày cuối cùng của tháng trước kỳ báo cáo và bỏ dữ liệu slot từ mốc 17:00 - 23:55 của ngày đầu tiên của tháng của kỳ Báo cáo và được chốt sau 15:00 hàng ngày. Ví dụ: kỳ báo cáo tháng 8/2021 khi xuất dữ liệu sẽ lấy thêm dữ liệu slot từ 17:00 đến 24:00 của ngày 31/7/2021 và bỏ đi dữ liệu từ 17:00 đến 24:00 ngày 31/8/2021 (vì khi chuyển giờ quốc tế sang giờ địa phương đã chuyển sang ngày 01/9/2021).

i) Mẫu đề cương báo cáo: không áp dụng.

k) Biểu mẫu số liệu báo cáo: báo cáo theo Mẫu số 5.2.1.

Mẫu số 5.2.2. Mẫu báo cáo giám sát sử dụng slot chuyến bay quốc tế

1. Đơn vị báo cáo:

2. Cơ quan nhận báo cáo:

3. Ngày báo cáo:

4. Kỳ báo cáo:

5. Cảng hàng không:

5.1. Các chuyến bay đi trong khung giờ ban ngày (từ 07h00 đến 19h00 giờ địa phương)

STT	Hãng hàng không	Tổng slot được xác nhận	Đúng slot	Tỷ lệ đúng slot (%)	Sai slot	Tỷ lệ sai slot (%)	Không sử dụng	Tỷ lệ không dùng (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)	(6)	(7)=(6)/(3)	(8)	(9)=(8)/(3)
1	VN							
2	VJ							
3	QH							
4	KE							
5	JL							
6	CI							
	…							
	Tổng							

5.2. Các chuyến bay đi trong khung giờ ban đêm (từ 20h00 đến 06h00 giờ địa phương của ngày kế tiếp)

STT	Hãng hàng không	Tổng slot được xác nhận	Đúng slot	Tỷ lệ đúng slot (%)	Sai slot	Tỷ lệ sai slot (%)	Không sử dụng	Tỷ lệ không dùng (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)	(6)	(7)=(6)/(3)	(8)	(9)=(8)/(3)
1	VN							
2	VJ							
3	QH							
4	KE							
5	JL							
6	CI							
	…							
	Tổng							

Người lập báo cáo
(Ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN MẪU SỐ 5.2.2

a) Tên báo cáo: BÁO CÁO GIÁM SÁT SỬ DỤNG SLOT CHUYẾN BAY QUỐC TẾ

b) Nội dung yêu cầu báo cáo:

- Sau khi nhận được báo cáo sử dụng slot của người khai thác cảng hàng không, sân bay, Cảng vụ hàng không tổng hợp kết quả hiện thực của các chuyến bay đi quốc tế của từng hãng hàng không để xác định số lượng và tỷ lệ % thực hiện slot: "Đúng slot", "sai slot", "không sử dụng" theo khung giờ theo khung giờ ban ngày (từ 07h00 đến 19h00 giờ địa phương) và khung giờ ban đêm (từ 20h00 đến 06h00 giờ địa phương của ngày kế tiếp) sau khi đã kiểm tra lý do loại trừ của các chuyến bay được người khai thác cảng hàng không, sân bay báo cáo. Báo cáo được lập thành 2 phần Cảng vụ hàng không giám sát việc giải trình lý do loại trừ của từng chuyến (*nếu có*).

- Cách thức so sánh: tổng hợp số lượng thực hiện slot: "Đúng slot", "sai slot", "không sử dụng" theo giờ xác nhận của từng hãng hàng không nước ngoài từ báo cáo của người khai thác cảng hàng không, sân bay so sánh với tổng slot được cấp từ Hệ thống quản lý slot của Cục Hàng Không Việt Nam.

- Thời gian tính theo giờ địa phương (quy đổi giờ slot từ giờ quốc tế sang giờ địa phương).

- Cảng hàng không: là tên cảng hàng không được báo cáo số liệu theo mẫu.

- Giải thích thuật ngữ:

+ **Hãng hàng không** (Cột 2): là ký hiệu bằng mã IATA của các hãng hàng không. Ví dụ: VN, VJ, JL, KE...

+ **Tổng slot được xác nhận** (Cột 3): là tổng số slot của hãng hàng không được Cục Hàng không Việt Nam xác nhận. Cảng vụ hàng không lấy dữ liệu slot từ phần mềm quản lý slot của Cục Hàng không Việt Nam.

+ **Đúng slot** (Cột 4): là tổng số slot sử dụng đúng của hãng hàng không.

+ **Tỷ lệ đúng slot** (Cột 5): tỷ lệ sử dụng đúng là thương số của tổng số slot sử dụng đúng (Cột 4)/tổng số slot được xác nhận (Cột 3).

+ **Sai slot** (Cột 6): là tổng số slot sử dụng sai của hãng hàng không.

+ **Tỷ lệ sai slot** (Cột 7): là thương số của tổng số slot sử dụng sai của hãng hàng không (Cột 6)/Tổng số slot được xác nhận của hãng hàng không (Cột 3).

+ **Không sử dụng slot** (Cột 8): là tổng số slot không sử dụng của hãng hàng không.

+ **Tỷ lệ không dùng** (Cột 9): là thương số của tổng số slot không sử dụng của hãng hàng không (Cột 8)/Tổng số slot được xác nhận của hãng hàng không (Cột 3).

- Định dạng báo cáo: báo cáo được lập dưới định dạng excel.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo:

Cảng vụ hàng không.

d) Cơ quan nhận báo cáo:

Cục Hàng không Việt Nam.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo

Cảng vụ hàng không gửi báo cáo về Cục Hàng không Việt Nam qua hộp thư điện tử vthk@caa.gov.vn.

e) Thời hạn gửi báo cáo:

Ngày 07 hàng tháng báo cáo số liệu cho tháng trước.

g) Tần suất thực hiện báo cáo:

Báo cáo số liệu trong giai đoạn 01 tháng từ 00 giờ ngày 01 đến 23 giờ 59 ngày cuối cùng của tháng trong mùa lịch bay. *Thời gian được tính theo giờ địa phương **(giờ Hà Nội).** Ví dụ báo cáo số **liệu tháng 8 từ 00 giờ ngày 01/8/2021 đến 23 giờ 59 phút ngày 31/8/2021** trong lịch bay mùa hè năm 2021.*

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo:

- Số liệu thực hiện đúng slot, sai slot, không sử dụng slot của từng hãng hàng không có chuyến bay quốc tế được chốt và xuất ra từ hệ Báo cáo sử dụng slot tại Mẫu số 5.1.2 của người khai thác cảng hàng không, sân bay vào 15:00 ngày 05 hàng tháng cho số liệu của tháng trước liền kề.

- Số liệu slot được xác nhận của từng hãng hàng không có chuyến bay quốc tế được lấy từ phần mềm quản lý slot của Cục Hàng không Việt Nam vào 15:00 ngày 02 hàng tháng cho số liệu của tháng trước liền kề.

- Người khai thác cảng hàng không, sân bay khi thực hiện việc báo cáo:

+ Do thời gian trong hệ thống slot của Cục Hàng không Việt Nam là giờ UTC nên sau khi xuất dữ liệu từ hệ thống phải quy đổi sang giờ địa phương (giờ Hà Nội) bằng cách cộng thêm 07:00 vào giờ slot để làm dữ liệu đưa vào Cột 8.

+ Để đảm bảo đủ dữ liệu cho 30 hoặc 31 ngày tùy từng tháng: lấy thêm số liệu slot từ mốc 17:00 - 23:55 giờ quốc tế của ngày cuối cùng của tháng trước kỳ báo cáo và bỏ dữ liệu slot từ mốc 17:00 - 23:55 của ngày đầu tiên của tháng của kỳ Báo cáo và được chốt sau 15:00 ngày hàng ngày. Ví dụ: kỳ báo cáo tháng 8/2021 khi xuất dữ liệu sẽ lấy thêm dữ liệu slot từ 17:00 đến 24:00 của ngày 31/7/2021 và bỏ đi dữ liệu từ 17:00 đến 24:00 ngày 31/8/2021 (vì khi chuyển giờ quốc tế sang giờ địa phương đã chuyển sang ngày 01/9/2021).

i) Mẫu đề cương báo cáo: không áp dụng.

k) Biểu mẫu số liệu báo cáo: báo cáo theo Mẫu số 5.2.2.

Mẫu số 06. Mẫu báo cáo của cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

Mẫu số 6.1. Mẫu báo cáo giới hạn năng lực khai thác đường cất hạ cánh và dịch vụ điều hành bay

1. Đơn vị báo cáo:
2. Cơ quan nhận báo cáo:
3. Ngày báo cáo:
4. Kỳ báo cáo:
5. Cảng hàng không:

Giới hạn khai thác đường cất hạ cánh và dịch vụ điều hành bay Mùa lịch bay: Mùa đông…/Mùa hè…
1. Đường cất hạ cánh (số chuyến bay cất cánh và hạ cánh trong 60 phút bất kỳ)
2. Dịch vụ điều hành bay (số chuyến bay cất cánh và hạ cánh trong 60 phút bất kỳ)

Người lập báo cáo
(Ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN MẪU SỐ 6.1

a) Tên báo cáo: mẫu báo cáo giới hạn năng lực khai thác đường cất hạ cánh và dịch vụ điều hành bay.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo:

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay báo cáo số liệu số chuyến bay cất cánh và hạ cánh trong 60 phút bất kỳ theo các chỉ tiêu nêu tại biểu mẫu nêu trên.
- Kỳ báo cáo: báo cáo số liệu theo lịch bay mùa hè và lịch bay mùa đông.
- Ngày báo cáo: là ngày đơn vị gửi báo cáo và ngày này là thời điểm trước thời hạn báo cáo.
- Cảng hàng không: là tên cảng hàng không được báo cáo số liệu theo biểu mẫu.
- Định dạng báo cáo: báo cáo được lập dưới định dạng excel hoặc word.

c) Đơn vị báo cáo: Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng không Việt Nam.

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi báo cáo bằng văn bản về Cục Hàng không Việt Nam qua hộp thư điện tử vthk@caa.gov.vn.

e) Thời hạn gửi báo cáo:

- Trước ngày 15 tháng 4 hàng năm báo cáo đối với số liệu của lịch bay mùa đông kế tiếp.
- Trước ngày 15 tháng 9 hàng năm báo cáo đối với số liệu của lịch bay mùa hè kế tiếp.

g) Tần suất thực hiện báo cáo: 02 lần/năm.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: trước ngày 15 tháng 4 đối với số liệu của lịch bay mùa đông kế tiếp và ngày 15 tháng 9 đối số liệu với lịch bay mùa hè kế tiếp.

i) Mẫu đề cương báo cáo: không áp dụng.

k) Biểu mẫu số liệu báo cáo: báo cáo theo Mẫu số 6.1.

Mẫu số 6.2. Mẫu báo cáo kế hoạch trung hạn về tăng, giảm giới hạn khai thác đường cất hạ cánh và dịch vụ điều hành bay

1. Đơn vị báo cáo:

2. Cơ quan nhận báo cáo:

3. Ngày báo cáo:

4. Kỳ báo cáo:

5. Cảng hàng không:

Giới hạn khai thác đường cất hạ cánh và dịch vụ điều hành bay Giai đoạn từ… đến….					
Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Đường cất hạ cánh (số chuyến bay cất cánh và hạ cánh trong 60 phút bất kỳ)					
Dịch vụ điều hành bay (số chuyến bay cất cánh và hạ cánh trong 60 phút bất kỳ)					

Người lập báo cáo
(Ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN MẪU SỐ 6.2

a) Tên báo cáo: mẫu báo cáo kế hoạch trung hạn về tăng, giảm giới hạn khai thác đường cất hạ cánh và dịch vụ điều hành bay.

b) Nội dung yêu cầu báo cáo:

- Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay báo cáo số liệu số chuyến bay cất cánh và hạ cánh trong 60 phút bất kỳ theo các chỉ tiêu nêu tại biểu mẫu nêu trên.

- Kỳ báo cáo: báo cáo theo các mốc từ năm 2021 đến năm 2025 và giai đoạn tiếp theo 2026 - 2030 và tương tự cho các giai đoạn kế tiếp.

- Ngày báo cáo: là ngày đơn vị gửi báo cáo và ngày này là thời điểm trước thời hạn báo cáo.

- Cảng hàng không: là tên cảng hàng không được báo cáo số liệu theo biểu mẫu.

- Năm báo cáo được xác định là năm trước năm được lấy mốc để tính giai đoạn 05 năm.

Ví dụ: đối với số liệu giai đoạn 05 năm từ 2021 - 2025 thì năm báo cáo là năm 2020 và người khai thác cảng hàng không, sân bay phải báo cáo về Cục Hàng không Việt Nam trước ngày 15/12/2020 đối với số liệu theo biểu mẫu nêu trên của năm 2021 - 2025.

- Định dạng báo cáo: báo cáo được lập dưới định dạng excel hoặc word.

c) Đối tượng thực hiện báo cáo: Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

d) Cơ quan nhận báo cáo: Cục Hàng không Việt Nam

đ) Phương thức gửi, nhận báo cáo: người khai thác cảng hàng không, sân bay gửi báo cáo bằng văn bản về Cục Hàng không Việt Nam qua hộp thư điện tử vthk@caa.gov.vn.

e) Thời hạn gửi báo cáo: trước ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo đối với số liệu của năm kế tiếp cho đến năm thứ 5. Mốc thời gian được xác định tại mục b nêu trên.

g) Tần suất thực hiện báo cáo: 05 năm/lần và có cập nhật hàng năm nếu có thay đổi.

h) Thời gian chốt số liệu báo cáo: trước ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo.

i) Mẫu đề cương báo cáo: không áp dụng.

k) Biểu mẫu số liệu báo cáo: báo cáo theo Mẫu số 6.2.

Phụ lục II

Danh mục các phương tiện phải được kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Tên phương tiện
1	Xe băng chuyền
2	Xe ô tô thông thường (xe tải, xe bán tải, xe chở khách trên khu bay từ 04 đến dưới 30 chỗ, xe cứu thương, xe dẫn tàu bay, 30 chỗ trở lên)
3	Xe suất ăn
4	Xe cấp nước sạch
5	Xe chữa cháy
6	Xe kéo (xe đầu kéo đô-ly)
7	Xe kéo đẩy tàu bay dùng cần kéo đẩy, xe kéo đẩy tàu bay không dùng cần kéo đẩy
8	Xe xúc nâng, máy xúc nâng
9	Xe phục vụ hành khách hạn chế khả năng di chuyển
10	Xe phun sơn
11	Xe thang
12	Xe trung chuyển thùng hàng
13	Xe tra nạp nhiên liệu cho các phương tiện hoạt động trên khu bay, xe tra nạp nhiên liệu tàu bay
14	Xe truyền tiếp nhiên liệu
15	Cần trục (cẩu và thiết bị nâng người)
16	Xe tẩy vệt cao su và vệt sơn
17	Xe nâng hàng (xe nâng vật tư, hàng hóa rời, xe nâng tự hành)

STT	Tên phương tiện
18	Xe vệ sinh sân, đường, khu bay (xe ép rác, xe quét đường, xe hút bồn, xe rửa đường, xe phun nước, xe hút vệ sinh)
19	Máy xúc đào
20	Xe cấp điện cho tàu bay
21	Xe cấp khí khởi động tàu bay
22	Xe điều hòa không khí
23	Xe lu rung
24	Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ

Phụ lục III

Bảng mã năng định của nhân viên điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay

(Ban hành kèm theo Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

STT	Mã năng định	Năng định nhân viên hàng không nhóm điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay
1	QLC1	Điều khiển xe/moóc băng chuyền
2	QLC2	Điều khiển xe ô tô thông thường (xe tải, xe bán tải, xe chở khách trên khu bay từ 04 đến dưới 30 chỗ, xe cứu thương, xe dẫn tàu bay)
3	QLC3	Điều khiển xe chở khách trên khu bay từ 30 chỗ trở lên
4	QLC4	Điều khiển xe suất ăn
5	QLC5	Điều khiển xe cấp nước sạch
6	QLC6	Điều khiển xe chữa cháy
7	QLC7	Điều khiển xe đầu kéo
8	QLC8	Điều khiển xe kéo đẩy tàu bay dùng cần kéo đẩy
9	QLC9	Điều khiển xe kéo đẩy tàu bay không dùng cần kéo đẩy
10	QLC10	Điều khiển xe nâng hàng
11	QLC11	Điều khiển xe xúc nâng
12	QLC12	Điều khiển xe phục vụ hành khách hạn chế khả năng di chuyển
13	QLC13	Điều khiển xe/moóc phun sơn
14	QLC14	Điều khiển xe thang
15	QLC15	Điều khiển xe trung chuyển thùng hàng
16	QLC16	Điều khiển xe hút vệ sinh

STT	Mã năng định	Năng định nhân viên hàng không nhóm điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay
17	QLC17	Điều khiển xe tra nạp nhiên liệu cho các phương tiện hoạt động trên khu bay
18	QLC18	Điều khiển xe tra nạp nhiên liệu tàu bay
19	QLC19	Điều khiển xe truyền tiếp nhiên liệu
20	QLC20	Điều khiển xe cần cẩu
21	QLC21	Điều khiển xe cắt cỏ
22	QLC22	Điều khiển xe tẩy vệt cao su và vệt sơn
23	QLC23	Điều khiển xe/mooóc nâng phục vụ kỹ thuật tàu bay
24	QLC24	Điều khiển xe nâng vật tư, hàng hóa rời
25	QLC25	Điều khiển xe vệ sinh sân đường, khu bay (xe ép rác, xe quét đường, xe hút bồn, xe rửa đường, xe phun nước)
26	QLC26	Điều khiển máy xúc đào
27	QLC27	Điều khiển phương tiện phục vụ khai thác khu bay (Xe trám khe mastic, xe đo ma sát)
28	QLC28	Điều khiển các loại cẩu và thiết bị nâng
29	QLC29	Điều khiển xe nâng tự hành, thang nâng người
30	QLC30	Điều khiển xe bán tải kéo rơ mooóc
31	QLC31	Điều khiển xe cấp điện cho tàu bay
32	QLC32	Điều khiển xe cấp khí khởi động tàu bay
33	QLC33	Điều khiển xe điều hòa không khí
34	QLC34	Vận hành thiết bị thùng nâng xe suất ăn
35	QLC35	Vận hành thang kéo đẩy tay
36	QLC36	Vận hành cầu hành khách
37	QLC37	Vận hành thiết bị cấp điện cho tàu bay

STT	Mã năng định	Năng định nhân viên hàng không nhóm điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay
38	QLC38	Vận hành thiết bị cấp khí khởi động tàu bay
39	QLC39	Vận hành thiết bị tra nạp nhiên liệu
40	QLC40	Vận hành thiết bị thủy lực phục vụ công tác kỹ thuật tàu bay
41	QLC41	Vận hành thiết bị điều hòa không khí
42	QLC42	Vận hành thiết bị chiếu sáng di động
43	QLC43	Vận hành thiết bị cấp khí nén, khí ô xy, khí ni tơ
44	QLC44	Vận hành băng chuyền kéo đẩy tay
45	QLC45	Vận hành thiết bị cấp nước sạch
46	QLC46	Vận hành thiết bị hút vệ sinh
47	QLC47	Vận hành thiết bị nâng người
48	QLC48	Điều khiển xe chở người 04 bánh có gắn động cơ (xe điện)